

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-10-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh LA. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Cao Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn H, bà Mai Thị C, bà Nguyễn Thị H. Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K, trình bày: Anh và chị L cưới nhau vào tháng 7 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh L. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới anh và chị L cùng sinh sống bên gia đình anh, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến ngày 12/01/2017 anh bị tai nạn giao thông, bị gãy xương cầu thì chị L không chăm sóc anh, thường xuyên bấm điện thoại, đánh bài tứ sắc, không nghe lời cha mẹ. Ngoài ra, vợ chồng không

còn mâu thuẫn nào khác. Lúc mới cưới chị L quản lý tiền, khi anh phát hiện chị L không trung thực trong việc giữ tiền như đưa tiền mua đồ ăn thì chị L nói không đưa, tiền còn thì chị L nói hết nên anh mới quản lý tiền, anh đi làm tiền đưa mẹ ruột của anh giữ nên chị L muốn ăn gì, làm gì thì kêu mẹ anh đưa, khi chị L mang thai con trai anh không có cần nhằn hay trách móc, anh chỉ buồn, vì chị L biết anh thích con gái nhưng chị L mang thai con trai mà nói với anh là con gái. Khi chị L sinh con trai anh vẫn thương con bình thường, chị L vừa sinh con xuất viện về nhà thì anh không bắt chị L giăng mừng cho anh ngủ, do mẹ vợ anh thường xuyên nói xấu gia đình anh nên anh chỉ ít nói chuyện với mẹ vợ, chứ không có cự cãi với mẹ vợ. Anh và chị L không còn sống chung từ ngày 12/01/2017 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Cao Thị L.

Bị đơn chị Cao Thị L, trình bày: Chị và anh K cưới nhau vào năm 2016, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh LA. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh K cùng sinh sống bên gia đình anh K, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh K quản lý tiền, gia trưởng như chị muốn ăn gì, mua gì thì phải xin tiền anh K, khi chị mang thai, giới tính con là trai thì anh K không hài lòng, trách chị sao không sinh con gái, khi chị mang thai thì bắt chị làm việc nặng, chị thèm ăn thì bị anh K nói nặng nhẹ đủ điều, chị về nhà cha mẹ ruột thì anh K không cho tiền, khi chị vừa sinh con xuất viện về nhà, thì tối anh K kêu chị giăng mừng cho anh K ngủ nên mẹ ruột chị và anh K cự cãi với nhau. Chị và anh K không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay anh K yêu cầu ly hôn, chị thống nhất ly hôn.

2. Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Văn K và chị Cao Thị L đều thống nhất trình bày: Anh chị chung sống với nhau có 01 con chung, là con trai tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/9/2017. Hiện con chung Đăng K đang sinh sống cùng chị L từ khi được 5-6 tháng tuổi cho đến nay. Anh K trình bày: Anh thường xuyên tới lui thăm nom con chung, cũng có gởi tiền cho con chung được khoảng 2.000.000đ - 3.000.000đ, anh cũng có từng nói với chị L con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, lý do chị L đem con về nhà cha mẹ ruột là do con chung Đăng K bị bệnh về da (giống như dờ ăn) nên chị L nói đem về nhà cha mẹ ruột trị bệnh, mẹ ruột anh xúc (thoa, bôi) thuốc cho con chung lành, thì chị L lại lấy kem mỹ phẩm bôi vào người con chung, làm con chung bị nặng hơn để chị L đem con đi. Hiện anh đang ở nhà, đi làm thuê, thu nhập mỗi tháng từ 6.000.000 – 7.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân còn khoảng 4.000.000đ – 5.000.000đ. Gia đình anh có 05 anh chị em, anh là con út nên ở chung nhà với mẹ, hiện mẹ anh khoảng 60 tuổi. Mẹ anh có thể phụ anh nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị L làm nghề gì thì anh không biết nên không biết thu nhập của chị L mỗi tháng được bao nhiêu tiền. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đăng K, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Việc chị L thay đổi họ của con chung thì anh không biết. Gia đình mẹ vợ thường xuyên chứa bài tứ sắc và bán số đề, vì anh từng về gia đình vợ để sinh sống nên anh biết, con chung tới tuổi đi học nhưng chị L không chịu cho con đi học, mẹ vợ, cha vợ nói với anh lúc đầu gởi con chung vào trường thì cháu chịu học sau đó

con chung quây không chịu học nên rước về. Đồng thời, nói gởi con tiền, nói với anh muốn cho con chung học thì anh đưa tiền, con chung bệnh cũng kêu anh đưa tiền nhưng anh không đưa, anh yêu cầu giao con chung cho anh để anh đưa con đi điều trị. Khi chị L nuôi dưỡng con chung mỗi lần anh đến thăm con thì gia đình bên vợ gây khó khăn, chỉ cho thăm con, không cho anh đem con chung về nhà nội chơi. Chị Cao Thị L, trình bày: Khi con chung được 6 tháng tuổi thì chị và con chung về nhà cha mẹ ruột ở, anh K không có gởi tiền cho chị để nuôi con, anh K nói ở với ai thì người đó nuôi, anh K cũng không có đến thăm nom con chung. Hiện chị đã đổi họ của con chung từ họ Nguyễn sang họ Cao, chị làm thợ may tại nhà, thu nhập mỗi tháng cũng được 4.000.000đ - 5.000.000đ, thu nhập của chị đủ để hai mẹ con chị sinh sống, chị ở chung nhà với cha mẹ ruột nên cha mẹ cũng phụ chị nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh K hiện làm nghề gì không rõ, không biết thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền chị không thống nhất giao chung Nguyễn Đăng K (Cao Đăng K) cho anh K nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, chị vẫn cho anh K thăm con chung bình thường nhưng có lần do anh K rước con về nhà cha mẹ ruột chơi nhưng không chịu đem con chung về giao lại cho chị, cha ruột chị phải đến nhà anh K rước con về nên về sau chị chỉ cho anh K đến nhà chị thăm con, không cho anh K đem con về nhà anh K nữa.

3. Về chia tài sản chung: Anh K và chị L thống nhất trình bày: Anh chị chung sống tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh K và chị L thống nhất trình bày: Anh chị chung sống với nhau không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K ly hôn với chị Cao Thị L. Về con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 26/9/2017 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Văn K có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh và chị Cao Thị L. Hiện chị L đang cư trú tại ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn

nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K, bị đơn chị Cao Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người làm chứng ông Lê Văn H, bà Mai Thị C, bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K, chị L, ông H, bà C, bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Cao Thị L được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2016 ngày 23/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh LA là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Nguyễn Văn K và chị Cao Thị L đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và không sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay và vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho anh K, chị L được đoàn tụ thì anh K vẫn cương quyết ly hôn và chị L cũng thống nhất ly hôn. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa anh K, chị L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn K yêu cầu được ly hôn và chị Cao Thị L cũng thống nhất ly hôn, việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh K, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc nuôi con: Anh K, chị L đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K (họ khác: Cao Đăng K), sinh ngày 26/9/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh K, chị L đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung như điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đăng K của anh K là chưa có căn cứ để chấp nhận, vì cháu Đăng K đã sinh sống ổn định cùng với chị L từ khi được 06 tháng tuổi cho đến nay đã gần 04 năm và đã được đảm bảo về mọi mặt. Việc anh K cho rằng gia đình chị L chứa bài, bán số đề, chị L không cho con chung Đăng K đi học nhưng anh K không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi, chính quyền địa phương xã A xác nhận “chị Cao Thị L hiện cư ngụ ấp B hiện nay đã có công việc làm và thu nhập ổn định, có nhu cầu nuôi con ruột là Cao Văn K sinh ngày 26/9/2017 mà không cần sự hỗ trợ cấp dưỡng của bên cha ruột bé K...”. Đồng thời, anh K thừa nhận khi con chung Đăng K bị bệnh, chị L thông báo cho anh K biết thì anh K không gởi tiền cho chị L để lo cho con chung và nói con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đăng K của anh K. Nghĩ nên, giao con chung Nguyễn Đăng K (Cao Đăng K), sinh ngày 26/9/2017 cho chị L được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về

quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh K, chị L thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn K chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0013100 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Cao Thị L.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K (Cao Đăng K), sinh ngày 26/9/2017.

2.2 Giao con chung Nguyễn Đăng K (Cao Đăng K), sinh ngày 26/9/2017 cho chị Cao Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn K chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0013100 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 10 năm 2021). Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**